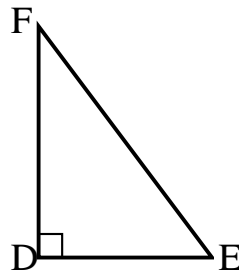


Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1227

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Cho tam giác DEF vuông tại D. Khi đó $\sin(F)$ bằng:A. DE/EF B. DF/EF C. DE/DF D. DF/DE **Câu 2:** Giải bất phương trình $-3x + 9 > 0$. Tập nghiệm là:A. $x < -3$ B. $x < 3$ C. $x > -3$ D. $x > 3$ **Câu 3:** Cho $x = 3 + 2\sqrt{2}$. Giá trị của $\sqrt{x}$ là:A. $2\sqrt{2}$ B. $3 + \sqrt{2}$ C. $\sqrt{3} + \sqrt{2}$ D. $\sqrt{2} + 1$ **Câu 4:** Căn bậc hai của 4 là:

A. 2 và -2

B. 4 và -4

C. 2

D. 16

Câu 5: Nghiệm của phương trình $9x - 9 = 0$ là:

A. -7

B. 1

C. 9

D. -2

Câu 6: Biểu thức $\sqrt{x-8}$ xác định (có nghĩa) khi và chỉ khi:A. $x \geq 8$ B. $x \neq 8$ C. $x > 8$ D. $x \leq 8$

Câu 7: Giá trị của $\sqrt{(2)^2}$ bằng:

A. 2

B. 3

C. 6

D. -2

Câu 8: Nghiệm nguyên nhỏ nhất của bất phương trình $5x - 10 \geq 0$ là:

A. 1

B. 3

C. -2

D. 2

Câu 9: Rút gọn biểu thức $4\sqrt{13} + 4\sqrt{13}$ ta được:

A. $7\sqrt{13}$

B. $9\sqrt{13}$

C. $8\sqrt{13}$

D. $16\sqrt{13}$

Câu 10: Đưa $\sqrt{150}$ về dạng $a\sqrt{6}$, giá trị a bằng:

A. 10

B. 5

C. 12

D. 4

Câu 11: Tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết cạnh góc vuông AB = 12 cm và cạnh huyền BC = 20 cm. Độ dài cạnh góc vuông AC bằng:

A. 12

B. 11

C. 16

D. 8

Câu 12: Tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết BH = 4, CH = 16. Độ dài AH bằng:

A. 8

B. 11

C. -1

D. 2

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Nghiệm của phương trình $4x = -8$ là: Trả lời:

Câu 2: Giá trị của $\sqrt{(4)^2}$ bằng: Trả lời:

Câu 3: Nghiệm của phương trình $5x + 6 = 3x + 16$ là: Trả lời:

Câu 4: Đưa $\sqrt{63}$ về dạng $a\sqrt{7}$, giá trị a bằng: Trả lời:

Câu 5: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết BH = 9 cm, CH = 16 cm. Tính chu vi tam giác ABC. Trả lời:

Câu 6: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Kẻ $HE \perp AB$ tại E và $HF \perp AC$ tại F. a) Chứng minh tứ giác AEHF là hình chữ nhật, suy ra $AH = EF$. b) Chứng minh $AE \cdot AB = AF \cdot AC$. (Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

Câu 7: Cho tam giác ABC vuông tại A. Chứng minh rằng $\sin^2 B + \sin^2 C = 1$. (Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 1 môn Toán lớp 9 — Đề số 6

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	D	A	B	A	A	D	C	B	C	A

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	-2	4	5	3	60	(TL)	(TL)

* Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).